

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HS-PT
Ngày: 22-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh; Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Nôm – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 02/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Hoài P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2018/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Hoài P; sinh năm 1998 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp K, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh Bình (chết) và bà Nguyễn Thị Hồng P; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông luật sư Trần Minh Vũ – Văn phòng Luật sư Trần Minh Vũ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 15/7/2018, Nguyễn Hoài P đi huyện B gặp một người thanh niên không rõ lai lịch, biết P có sử dụng ma túy nên hẹn P khoảng 24 giờ ngày 17/7/2018 đến cầu B thuộc xã M, thành phố B để nhận ma túy về sử dụng. Vào khoảng 23 giờ 40 phút ngày 17/7/2018, Nguyễn Hoài P điều khiển xe gắn máy biển số 71FM-xxxx đi từ nhà lên khu vực cầu Bến Tre thì gặp người thanh niên chưa rõ lai lịch chạy xe đến đưa cho P 02 gói ma túy được quấn trong mảnh vé số. Sau khi nhận được ma túy, P cất ma túy trong túi áo khoác phía trong bên trái P đang mặc rồi điều khiển xe gắn máy về huyện G. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 18/7/2018, P đến khu vực ấp A, xã C,

huyện G thì bị lực lượng công an bắt quả tang thu giữ tang vật gồm: 02 (hai) gói nylon hàn kín 04 (bốn) góc, bên trong có chứa tinh thể màu trắng, nghi là chất ma túy được quấn trong mảnh vé số, ký hiệu chữ “M”; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia bên trong có gắn 02 (hai) thẻ sim; 02 (hai) hộp quẹt ga; 01 (một) nỏ thủy tinh; tiền Việt Nam 554.000 (năm trăm năm mươi bốn nghìn) đồng; 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu KAWASAKI màu đỏ-đen-bạc, biển số 71FM-xxxx, 01 (một) bốp da màu nâu, có chữ “TISDENY”; 01 (một) áo khoác màu tím, nhãn hiệu “Adidas”.

Tại bản giám định số 03/2018/GĐMT ngày 18/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2094 gram. Hoàn lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G mẫu vật sau giám định đã được niêm phong có khối lượng 0,1307 gram.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2018/HS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài P phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài P 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06/12/2018, bị cáo kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài P 01 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh, điều khoản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có công với Tổ quốc, là lao động chính tạo ra thu nhập, nuôi dưỡng mẹ và bà nội bệnh tật thường xuyên, bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, khối lượng ma túy không lớn, có nơi cư trú rõ ràng nên cần chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin được hưởng án treo để có cơ hội làm việc, chăm sóc mẹ và bà nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Nguyễn Hoài P cất giấu hai gói ma túy trong túi áo khoác để sử dụng cho bản thân thì bị bắt quả tang. Kết

luận giám định xác định hai gói ma túy thu giữ của bị cáo là Methamphetamine, khối lượng 0,2094 gram. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật, không oan, sai.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, đồng thời hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là mức khởi điểm của khung hình phạt, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội mà bị cáo gây ra. Mặt khác, việc cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong một khoảng thời gian nhất định là cần thiết, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân và cai nghiện ma túy. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo yêu cầu được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

[3] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của người bào chữa là đã xem xét đầy đủ, toàn diện tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tác hại của tội phạm ma túy đối với con người và xã hội nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài P phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài P 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[2] Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Hoài P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện G (3b);
- Công an và VKSND huyện G (2b);
- Chi cục THADS huyện G (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã H, huyện G (1b);
- Bị cáo tại ngoại (01b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Quang Sơn